

Bản án số: 10 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 11 - 2019

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Quang Chung
- **Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Văn Khuyến và ông Phạm Đức Thọ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Giang Thị Mến, cán bộ
tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư tham gia phiên
toà:** Bà Vũ Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án xét xử công khai, sơ thẩm vụ
án hôn nhân gia đình thụ lý số 80/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/7/2019 về việc ly
hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019
ngày 22/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐHPT ngày 12/11/2019
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1991.

Trú tại: số 8, phố B, phường N, thành Phố N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Hoàng Xuân B, sinh năm 1983.

Trú tại: thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Xuân B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết
hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 27/01/2015. Sau khi kết hôn thì chị và anh B
chung sống tại nhà của anh B ở thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vợ chồng
chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ
chồng chị thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân chính là do tính tình anh chị không

hợp nhau, mặt khác anh B tính tình thô lỗ, cục cằn hay mắng chửi, đánh đập chị dù chị không có lỗi gì, cứ vài ngày anh lại đánh đập chị một lần, kể cả khi chị đang mang thai. Vì gia đình và vì đứa con nên chị cố gắng chịu đựng hi vọng sẽ có ngày anh thay đổi tính nết nhưng ngược lại anh B ngày càng quá đáng hơn, anh coi chị như nô lệ trong nhà thích là đánh chị bất cứ lúc nào. Không thể chịu đựng được nên cuối năm 2015, chị đã bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở số nhà 8, phố B, phường N, thành phố N sinh sống. Từ khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, anh B không hề quan tâm đến chị, ngay cả con chung anh B cũng bỏ không ngó ngàng gì. Năm 2017 chị đã làm đơn xin ly hôn B, nhưng anh B không đồng ý cũng không lên Tòa án để làm việc, sau đó chị đã rút đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng anh B vẫn không có động thái gì quan tâm đến mẹ con chị. Nay chị tiếp tục làm đơn nộp cho Tòa án và chị đã thông báo yêu cầu anh B lên Tòa cùng chị để giải quyết việc ly hôn nhưng anh B không lên. Sau khi Tòa án thụ lý, Tòa án đã gửi các thông báo giấy triệu tập làm việc mặc dù anh B biết và nhận được các giấy tờ của Tòa án nhưng anh B không lên Tòa làm việc cố tình gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và việc xin ly hôn của chị. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh B không còn, vợ chồng sống không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Hoàng Xuân B để chị ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Hoàng Đức Đ, sinh ngày 14/6/2015 hiện nay cháu đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Từ khi chị bế con về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay anh B không quan tâm ngó ngàng gì đến mẹ con chị. Chị khẳng định chị có đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi dưỡng con chung trưởng thành.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/6/2019, chị đã nộp tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư theo thông báo của Tòa án, song do gia đình chị có việc đột xuất và sau đó con chị bị ốm, chị không nộp biên lai theo quy định, việc này không phải lỗi chủ quan của chị

Bị đơn: anh Hoàng Xuân B mặc dù đã nhận được thông báo, yêu cầu cung cấp chứng cứ cũng như giấy triệu tập của Tòa án yêu cầu lên Tòa án để làm việc nhưng anh B không lên Tòa án làm việc và cũng không giao nộp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh B và chị T sinh sống.

Tại biên bản xác minh ngày 23/8/2019 ông Phạm Văn K- Cán bộ tư pháp xã N cung cấp: Anh Hoàng Xuân B và chị Phạm Thị T có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Sau khi

kết hôn thì anh chị sinh sống tại thôn K, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, anh chị sinh sống được một thời gian ngắn thì không hiểu vì lý do gì chị T bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở ngoài thành phố N sinh sống. Khoảng ba năm nay chị T không sống cùng anh B, còn lý do nguyên nhân mâu thuẫn thế nào thì địa phương không nắm được, vì anh chị không có đơn đề nghị chính quyền hòa giải. Chị T, anh B có một con chung, sinh năm 2015 hiện cháu đang ở với chị T. Thực tế lâu nay chị T không sinh sống ở địa phương. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 10/10/2019, ông Hoàng Anh N là bố đẻ anh B cung cấp: anh B là con trai ông, trước khi xây dựng gia đình với chị T anh B đã có một đời vợ (đã ly hôn). Anh B, chị T kết hôn cách đây khoảng hơn 3 năm cụ thể ông không nhớ. Sau khi cưới anh B, chị T về sống chung ở nhà anh B (cạnh nhà ông) ở thôn K (cũng có lúc anh chị ở nhà mẹ chị T ở ngoài thành phố N). Sau khi chị T sinh con được hơn một tháng thì chị T bế con về nhà mẹ đẻ ở ngoài thành phố N ở cho đến nay, không về sống và quan tâm gì đến cuộc sống của anh B. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thế nào ông không rõ. Anh B, chị T đã không sống chung gần 3 năm nay. Việc chị T xin ly hôn anh B quan điểm của gia đình là việc của anh chị thì anh chị tự quyết định. Anh B đã nhận được thông báo, giấy báo của Tòa án nhưng tại sao anh không lên Tòa làm việc thì ông không biết. Anh B, chị T có một con chung là cháu Hoàng Đức Đ hiện đang sống cùng chị T. Ngoài ra anh B có một con riêng với người vợ cũ là cháu Hoàng Yến C. Về tài sản chung thì anh B, chị T không có tài sản gì chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không lên Tòa án làm việc không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng Điều 19; Điều 56, 81,82,83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Xử: cho Ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân B.

Về con chung: giao cháu Hoàng Đức Đ, sinh ngày 14/6/2015 cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về án phí: chị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Xuân B không lên Tòa án để làm việc theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Ngày 16/8/2019 Tòa án có thông báo, triệu tập anh B, chị T để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh B không có mặt, đồng thời chị T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nữa. Do đó Tòa án xác định vụ án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 12/11/2019 anh Hoàng Xuân B mặc dù đã nhận được quyết định xét xử và giấy triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ nhất. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho anh B nhưng tại phiên tòa hôm nay (28/11/2019) anh B vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

Việc chị Phạm Thị T chậm nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí là do lý khách quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Xuân B là bị đơn không lên Tòa án để giải quyết, cũng không có ý kiến quan điểm gì giao nộp cho Tòa án. Căn cứ vào lời khai của chị T và các tài liệu có trong hồ sơ cũng như tài liệu Tòa án xác minh thu thập, xét thấy: anh Hoàng Xuân B và chị Phạm Thị T kết hôn là do anh chị tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình ngày 27/01/2015, hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Anh Hoàng Xuân B và chị Phạm Thị T kết hôn chung sống được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình anh chị không hợp nhau, mặt khác anh B thường hay mắng chửi, đánh đập chị T. Do không chịu đựng được nên chị T đã bế con bỏ về nhà nhà mẹ đẻ ở số 8 phường B, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Từ đó đến nay anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Năm 2017 chị T có nộp đơn xin ly hôn anh B tại Tòa án nhân dân huyện H, sau đó chị rút đơn nhưng cho đến nay mâu thuẫn giữa anh chị không giải quyết được, anh chị vẫn mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau nữa. Việc chị T trình bày anh chị kết hôn nhưng chung sống không có hạnh phúc, anh chị đã ly thân hơn ba năm nay không còn quan tâm, quan hệ với nhau là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án anh B không lên Tòa án để tham gia phiên hòa giải điều này chứng tỏ anh không có thiện chí hòa giải, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Việc anh B không lên Tòa án giải quyết chỉ nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Xét mâu thuẫn của chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T về việc xin ly hôn anh Hoàng Xuân B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Tâm trình bày chị và anh B có một con chung là cháu Hoàng Đức Đ, sinh ngày 14/6/2015. Sau khi con được hơn một tháng thì vợ chồng mâu thuẫn chị bế con về nhà ngoại sinh sống từ đó anh B không quan T gì đến mẹ con chị. Quá trình giải quyết chị Tâm xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là do chị T tự nguyện, mặt khác từ khi sinh con đến nay đều do một mình chị T nuôi dưỡng, anh B không quan tâm ngó ngàng gì đến con chung, nên cần chấp nhận đề nghị của chị T. Giao cháu Hoàng Đức Đ cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

[4] Về tài sản chung: chị T xác định anh chị không có tài sản công nợ gì chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: chị Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 19; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/20216/UBTVQH14 ngày 30/12/20216 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Hoàng Xuân B.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức Đ, sinh ngày 14/6/2015 cho chị Phạm Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Anh Hoàng Xuân B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh Hoàng Xuân B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Thị T. Khi cần thiết anh B, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/00970 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Án xử công khai, sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điểm 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Xuân
- THADS huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Vũ Quang Chung